

**CHƯƠNG TRÌNH**

**về tái cơ cấu ngành nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới  
theo hướng nâng cao giá trị gia tăng, chất lượng sản phẩm,  
đẩy mạnh ứng dụng công nghệ sinh học chất lượng cao vào sản xuất  
trong điều kiện biến đổi khí hậu**

**I- Thực trạng sản xuất, chuyển dịch cơ cấu ngành nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2011 - 2015****1- Những kết quả đạt được**

- Giai đoạn 2011 - 2015, trong điều kiện kinh tế thế giới suy thoái, kinh tế trong nước tăng trưởng chậm, giá vật tư tăng, sức mua giảm, tiêu thụ sản phẩm của ngành nông nghiệp gặp nhiều khó khăn. Biến đổi khí hậu diễn biến khó lường, mức độ gây hại lớn, phạm vi ảnh hưởng rộng. Trong khi đó, vốn đầu tư cho ngành nông nghiệp chưa đáp ứng được nhu cầu thực hiện các chương trình, dự án phát triển của ngành; việc thu hút vốn đầu tư từ các doanh nghiệp và vốn đầu tư ngoài ngân sách còn hạn chế. Trong bối cảnh đó, nông nghiệp của tỉnh vẫn duy trì tăng trưởng ổn định. Giá trị sản xuất toàn ngành có tốc độ phát triển bình quân trong giai đoạn 2011 - 2015 đạt 7,3%/năm (*theo giá so sánh 2010*)<sup>(1)</sup>. Tỷ lệ hộ nghèo giảm từ 23,75% (năm 2011) xuống còn 11,4% (năm 2015); thu nhập của người dân nông thôn tăng dần theo từng năm (*năm 2015 là 19,3 triệu đồng/người/năm*), tăng gấp 2 lần so với năm 2010 (*9,5 triệu đồng/người/năm*). Năng suất, sản lượng một số cây trồng chủ lực của tỉnh tăng khá. Đã hình thành một số vùng nguyên liệu tập trung gắn với công nghiệp chế biến, như: Cà phê, cao su, mía, sắn... An ninh lương thực trên địa bàn tỉnh được đảm bảo. Chăn nuôi tiếp tục được quan tâm đầu tư, đã xuất hiện một số mô hình chăn nuôi công nghiệp quy mô lớn bước đầu mang lại hiệu quả. Công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng được tăng cường. Các vấn đề về vệ sinh an toàn thực phẩm được quan tâm, chú trọng. Năng lực quản lý ngành ngày càng được nâng cao.

- Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới đạt nhiều kết quả tích cực. Trong giai đoạn 2011 - 2015, tổng nguồn vốn thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh đạt 18.205.066 triệu đồng, trong đó: Vốn ngân sách 3.954.712 triệu đồng, vốn huy động (*tín dụng, doanh nghiệp, nhân dân đóng góp và vốn khác*) là 14.250.354 triệu đồng. Kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội vùng nông thôn được chú trọng đầu tư, góp phần thúc đẩy phát triển sản xuất, cải thiện bộ mặt nông thôn và nâng cao đời sống vật chất, văn hóa tinh thần nhân dân. Đến cuối

<sup>1</sup> Trong đó: Tốc độ tăng trưởng ngành nông nghiệp là 7,69%/năm; thủy sản 36,48%/năm.

năm 2015 toàn tỉnh có 21 xã đạt chuẩn nông thôn mới, 24 xã đạt từ 15 - 18 tiêu chí, 68 xã đạt từ 10 - 14 tiêu chí, 70 xã đạt từ 5 - 9 tiêu chí, 01 xã đạt dưới 5 tiêu chí.

## **2- Những hạn chế yếu, kém và nguyên nhân**

### **2.1- Một số tồn tại, hạn chế**

- Chuyển dịch cơ cấu kinh tế ngành còn chậm; quy mô sản xuất còn manh mún, nhỏ lẻ. Việc nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ (*nhất là công nghệ sinh học*) để nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản còn hạn chế; khả năng cạnh tranh của nhiều loại sản phẩm nông, lâm, thủy sản còn thấp.

- Chất lượng tăng trưởng ngành nông nghiệp thiếu bền vững, giá các mặt hàng nông sản không ổn định. Đầu tư cho nông nghiệp, nông thôn chưa đúng mức. Kết cấu hạ tầng phục vụ sản xuất nông, lâm, thủy sản phát triển chậm và thiếu đồng bộ.

- Công tác nghiên cứu, ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật, sản xuất cung ứng giống chưa đáp ứng được hết nhu cầu sản xuất. Việc thanh tra, kiểm tra hoạt động kinh doanh mua bán giống cây trồng vật nuôi, vật tư nông nghiệp cũng như công tác phòng, trị bệnh trên gia súc, gia cầm vẫn chưa triệt để.

- Một số địa phương triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới còn chậm, chưa chủ động vận dụng tính toán hiệu quả lồng ghép các nguồn vốn chương trình, dự án để xây dựng nông thôn mới hoàn chỉnh.

- Công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn còn chậm; thu nhập của người nông dân còn thấp, tỷ lệ hộ nghèo vùng nông thôn, vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc thiểu số còn cao.

- Công tác quản lý, bảo vệ rừng, phòng cháy, chữa cháy rừng còn hạn chế, lực lượng quản lý bảo vệ rừng chưa đảm bảo, chủ rừng ở một số địa phương vẫn chưa hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, còn để xảy ra các hành vi vi phạm lâm luật dưới nhiều hình thức khác nhau. Tình trạng khai thác, vận chuyển lâm sản trái phép vẫn còn diễn biến phức tạp. Tình trạng cháy rừng chưa được phát hiện, ngăn chặn và xử lý kịp thời. Tiến độ thực hiện chỉ tiêu trồng rừng phòng hộ theo kế hoạch 5 năm của tỉnh chưa đạt theo kế hoạch đã đề ra.

- Công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp và ngành nghề nông thôn quy mô nhỏ, hiệu quả chưa cao, phát triển chậm; các doanh nghiệp đầu tư sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực nông, lâm nghiệp, thủy sản còn hạn chế cả về số lượng và quy mô.

### **2.2- Nguyên nhân**

- Nhận thức của một số cấp ủy, chính quyền, cán bộ, đảng viên về mục đích, yêu cầu, nội dung và tầm quan trọng của tái cơ cấu nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới chưa đầy đủ, thiếu quyết liệt trong lãnh đạo, chỉ đạo và triển khai thực hiện. Việc ban hành và thực hiện Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp của tỉnh còn chậm. Chưa tạo được sự chuyển biến trong cộng đồng dân cư nông thôn về hợp tác phát triển sản xuất theo mô hình tăng trưởng mới. Việc huy động nguồn lực đầu tư thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới còn hạn chế.

- Ảnh hưởng của biến đổi khí hậu toàn cầu, dịch bệnh trên gia súc, gia cầm diễn biến phức tạp, kinh tế suy thoái đã ảnh hưởng lớn đến ngành nông nghiệp.

- Năng lực tham mưu, quản lý, điều hành phát triển sản xuất nông nghiệp chất lượng cao, chuyển đổi mô hình tăng trưởng trong nông nghiệp; công tác nghiên cứu, chuyên gia, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất nông nghiệp chưa được chú trọng đúng mức, hiệu quả chưa cao.

- Chưa thu hút được các nhà đầu tư chiến lược trên hầu hết các lĩnh vực nông nghiệp, nên chưa hình thành được các chuỗi liên kết hợp tác trong đầu tư sản xuất, chế biến và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp.

- Một số cơ chế, chính sách của nhà nước liên quan đến nông nghiệp chưa sát với thực tế. Đặc biệt, nguồn lực đầu tư trực tiếp cho lĩnh vực nông nghiệp trong tỉnh còn thấp. Cơ sở hạ tầng vùng nông thôn còn yếu kém, giao thông đi lại khó khăn.

## **II- Mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp**

### **1- Mục tiêu tổng quát**

Tái cơ cấu ngành nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới theo hướng nâng cao giá trị gia tăng, chất lượng sản phẩm, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ sinh học chất lượng cao vào sản xuất trong điều kiện biến đổi khí hậu nhằm hướng tới mục tiêu phát triển nông nghiệp, nông thôn bền vững cả về kinh tế, xã hội và môi trường; khai thác tiềm năng, lợi thế, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả tài nguyên để phát triển ngành nông nghiệp theo hướng bền vững, nâng cao giá trị gia tăng, hiệu quả và khả năng cạnh tranh của sản phẩm nông nghiệp; nâng cao thu nhập và cải thiện nhanh hơn đời sống vật chất, văn hóa tinh thần của người nông dân.

### **2- Mục tiêu cụ thể**

- Đến năm 2020, tỷ trọng ngành nông nghiệp chiếm 37,25% trong cơ cấu kinh tế của tỉnh. Phần đầu tốc độ tăng trưởng giá trị gia tăng ngành nông, lâm, thủy sản bình quân giai đoạn (2016 - 2020) đạt 5,57%/năm (theo giá so sánh 2010). Giá trị sản xuất toàn ngành đến năm 2020 đạt 35.750 tỷ đồng, trong đó: Nông nghiệp tăng bình quân 5,58%/năm; lâm nghiệp tăng bình quân 4,34%/năm; thủy sản tăng 6,51%/năm.

- Nâng cao tỷ lệ lao động nông thôn qua đào tạo nghề gắn với việc phát triển các ngành nghề thủ công, làng nghề truyền thống, cơ sở chế biến nông, lâm, thủy sản, dịch vụ ở nông thôn để đa dạng hóa thu nhập, chuyển dịch mạnh mẽ cơ cấu lao động nông thôn. Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 55%.

- Có 100% dân số đô thị sử dụng nước sạch và 95% dân số nông thôn được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh; 100% các trường học mầm non và phổ thông, trạm y tế xã, chợ và các công trình công cộng khác ở nông thôn đủ nước sạch.

- Phần đầu đạt 65% hộ gia đình nông thôn có công trình hố xí hợp vệ sinh; 100% chất thải sinh hoạt được thu gom, xử lý.

- Tỷ lệ hộ nghèo giảm bình quân 1,8%/năm; đến năm 2020 còn 2,68% (theo chuẩn nghèo giai đoạn 2011 - 2015).

- Kim ngạch xuất khẩu đạt khoảng 630 triệu USD, bình quân hằng năm tăng 15,24%.

- Đến năm 2020, GRDP bình quân đầu người đạt 54,8 triệu đồng/người/năm.

- Nâng tỷ lệ che phủ rừng đến năm 2020 đạt 46,6%, góp phần thực hiện Chiến lược tăng trưởng xanh của quốc gia.

- Phần đầu đến năm 2020 có 70 xã trở lên đạt chuẩn nông thôn mới trên địa bàn toàn tỉnh; không có xã đạt dưới 5 tiêu chí và ít nhất có 01 huyện đạt chuẩn nông thôn mới.

### **3- Nhiệm vụ, giải pháp**

#### **3.1- Tăng cường công tác tuyên truyền, quán triệt về thực hiện Kế hoạch tái cơ cấu ngành nông nghiệp trên địa bàn tỉnh**

Các cấp ủy, chính quyền, mặt trận, tổ chức chính trị - xã hội các cấp đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức, quán triệt đến các cấp ủy, từng đảng viên, chính quyền các cấp, doanh nghiệp, người dân trong toàn tỉnh về quan điểm, nội dung, nhiệm vụ, giải pháp thực hiện Kế hoạch tái cơ cấu ngành nông nghiệp nhằm tạo sự chuyển biến, quyết tâm cao để đưa sản xuất nông nghiệp lên sản xuất quy mô lớn, giá trị gia tăng cao.

#### **3.2- Cụ thể hóa Kế hoạch tái cơ cấu các lĩnh vực, chuyên ngành thành các nhiệm vụ cụ thể, triển khai đến các địa phương**

- Thực hiện rà soát, điều chỉnh quy hoạch ngành/sản phẩm phù hợp, tổ chức thực hiện quy hoạch. Có chiến lược phát triển cụ thể đối với từng lĩnh vực trong nông nghiệp.

- + Lĩnh vực trồng trọt: Phát triển vùng sản xuất tập trung quy mô lớn, triển khai mô hình cánh đồng lớn trên một số loại cây trồng, áp dụng giống và kỹ thuật canh tác tiên tiến, sản phẩm an toàn; chuyển đổi một số diện tích lúa kém hiệu quả sang cây trồng ngắn ngày có giá trị kinh tế cao; nâng tỷ lệ diện tích cây trồng áp dụng VietGAP và tương đương. Tập trung phát triển các sản phẩm chủ lực, như: Cà phê, cao su, hồ tiêu, mía, sắn, rau, hoa, cây cảnh.

Đối với cây công nghiệp dài ngày chú trọng đầu tư thâm canh, tăng năng suất. Duy trì ổn định diện tích: Cao su khoảng 100.000 ha, cà phê 80.000 ha, hồ tiêu 18.000 ha, điều 18.200 ha. Phát triển, mở rộng diện tích cây mía khoảng 40.000 - 42.000 ha, với năng suất bình quân từ 80 tấn/ha trở lên. Giảm diện tích cây sắn ở mức ổn định khoảng 61.500 ha, với năng suất bình quân trên 21 tấn/ha. Mở rộng diện tích cây ngô theo vùng chuyên canh gắn với chế biến, tiêu thụ khoảng 60.000 ha, với năng suất bình quân 4,43 tấn/ha. Diện tích gieo trồng lúa đến năm 2020 đạt 77.800 ha, năng suất 49,4 tạ/ha. Phát triển diện tích chanh leo đến năm 2020 đạt 3.000 ha và mở rộng diện tích cây ăn quả, cây đặc sản khoảng 10.000 ha từ quỹ đất đã và đang sản xuất cây có giá trị kinh tế thấp, đất bỏ hoang đã giao cho doanh nghiệp và nông dân. Thu hút các nhà đầu tư sản xuất, chế biến sâu các sản phẩm cà phê, trái cây, nước giải khát cung ứng cho thị trường trong và ngoài tỉnh.

+ Lĩnh vực chăn nuôi: Phát triển nhanh các hình thức chăn nuôi công nghiệp, bán công nghiệp, trang trại, gia trại quy mô lớn, ứng dụng công nghệ hiện đại, sản xuất theo chuỗi giá trị. Chú trọng phát triển chăn nuôi bò thịt, bò sữa chất lượng cao. Phấn đấu phát triển đàn bò khoảng 668.770 con (trong đó bò lai chiếm hơn 45%), lợn khoảng 612.000 con, gia cầm khoảng 3 triệu con.

+ Lĩnh vực thủy sản: Đẩy mạnh phát triển nuôi trồng thủy sản theo điều kiện của từng vùng; tập trung phát triển sản xuất giống thủy sản có giá trị kinh tế; ưu tiên nguồn lực đầu tư để sắp xếp, bố trí các trạm sản xuất giống thủy sản tại các địa phương có tiềm năng; tăng cường đầu tư thâm canh, áp dụng công nghệ cao, quy trình thực hành nuôi tốt (GAP) để nâng cao năng suất, chất lượng các loài cá nuôi. Có cơ chế phù hợp để các tổ chức kinh tế, hộ gia đình có điều kiện tiếp cận, khai thác mặt nước hồ, đập thủy lợi, thủy điện để nuôi các loài cá thông thường và đặc sản nước ngọt. Phấn đấu đến năm 2020 tổng sản lượng thủy sản toàn tỉnh đạt 11.000 tấn.

+ Lĩnh vực lâm nghiệp: Tăng cường công tác quản lý, bảo vệ rừng. Quản lý bảo vệ tốt diện tích rừng hiện có 623.280,76 ha. Tập trung bảo vệ tốt diện tích rừng đặc dụng, rừng phòng hộ đầu nguồn. Khuyến khích phát triển trồng rừng kinh tế tập trung, nâng cao hiệu quả kinh tế rừng trồng; trồng rừng gắn với khai thác, chế biến, tiêu thụ và quản lý bảo vệ để hình thành chuỗi giá trị của sản phẩm lâm nghiệp; có giải pháp quyết liệt ngăn chặn tình trạng vi phạm Luật Bảo vệ và Phát triển rừng. Thực hiện giao khoán quản lý bảo vệ rừng đến năm 2020 là 127.984 ha; khoanh nuôi xúc tiến tái sinh không trồng bổ sung giai đoạn 2016 - 2020 là 1.300 ha; cải tạo rừng tự nhiên nghèo kiệt khoảng 1.121 ha; làm giàu rừng khoảng 1.316 ha. Tập trung, đẩy mạnh công tác trồng rừng thay thế.

+ Lĩnh vực thủy lợi: Nâng cao năng lực, hiệu quả quản lý, khai thác hệ thống công trình thủy lợi; phát triển kết cấu hạ tầng thủy lợi phục vụ đa mục tiêu, tạo nguồn nước cho sinh hoạt và sản xuất; nâng cao mức đảm bảo an toàn hồ đập; nâng cao năng lực phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu.

- Đổi mới tổ chức sản xuất theo hướng hợp tác, liên kết chặt chẽ theo chuỗi giá trị từ sản xuất đến tiêu thụ giữa nông dân, các tổ chức hợp tác với doanh nghiệp, trong đó doanh nghiệp giữ vai trò nòng cốt.

- Tăng cường nghiên cứu, chuyển giao và ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, tạo đột phá trong thực hiện tái cơ cấu; ưu tiên ứng dụng công nghệ cao, nhất là công nghệ sinh học và các giải pháp khoa học công nghệ mới tiên tiến, xây dựng mô hình mẫu với từng lĩnh vực để nhân ra diện rộng; khuyến khích liên kết giữa các hình thức tổ chức sản xuất với doanh nghiệp.

- Xây dựng chương trình đẩy mạnh nghiên cứu, thông tin thị trường, đặc biệt là thông tin về các hiệp định tự do hóa thương mại có liên quan tới ngành hàng nông, lâm, thủy sản mà Việt Nam đã tham gia, những cơ hội và thách thức để doanh nghiệp và người dân biết; nâng cao năng lực cạnh tranh, thực hiện các biện pháp đồng bộ phát triển thị trường, bảo vệ hợp lý sản xuất trong địa bàn tỉnh; đẩy mạnh tiêu thụ nông, lâm sản.

### **3.3- Đẩy mạnh thực hiện Kế hoạch tái cơ cấu ngành nông nghiệp gắn với Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới**

Chú trọng thực hiện các nhiệm vụ về tái cơ cấu nông nghiệp, tăng nhanh thu nhập cho nông dân trên địa bàn từng xã trong quá trình thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới.

Huy động mạnh mẽ các nguồn lực toàn xã hội để đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội nông thôn đáp ứng yêu cầu và từng bước hiện đại. Đẩy mạnh phát triển y tế, giáo dục, văn hóa; thực hiện tốt các chế độ, chính sách đảm bảo an sinh xã hội, xóa đói, giảm nghèo ở nông thôn.

Củng cố và đổi mới hoạt động của thành phần kinh tế hợp tác và hợp tác xã, phát triển đa dạng các hình thức tổ chức sản xuất ở nông thôn. Tạo cơ chế thuận lợi cho kinh tế tập thể, kinh tế hộ, kinh tế trang trại và doanh nghiệp ở nông thôn cùng phát triển.

Rà soát các cơ chế chính sách hiện có liên quan đến lĩnh vực nông nghiệp, nông dân, nông thôn của tỉnh; vận dụng linh hoạt các cơ chế, chính sách của Trung ương, đề xuất các cơ chế, chính sách đặc thù của địa phương, phù hợp với chính sách hiện hành để xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh đề từ năm 2017 trở đi, hằng năm có từ 12 - 15 xã đạt chuẩn nông thôn mới.

### **3.4- Quản lý chất lượng vật tư nông nghiệp, lâm sản và an toàn vệ sinh thực phẩm nông sản, thủy sản**

Từng bước siết chặt công tác quản lý vệ sinh an toàn thực phẩm đối với các mặt hàng nông, lâm, thủy sản, đẩy mạnh công tác quản lý đánh giá phân loại, kiểm tra điều kiện đảm bảo chất lượng, an toàn vệ sinh thực phẩm ở các cơ sở sản xuất, kinh doanh cũng như cơ sở sản xuất vật tư nông nghiệp và sản phẩm nông sản, thủy sản.

Xây dựng đề án tăng cường quản lý chất lượng nông, lâm, thủy sản trên địa bàn tỉnh. Xây dựng và phát triển các mô hình chuỗi an toàn thực phẩm, chuỗi giá trị nông sản trên địa bàn tỉnh; tăng cường tuyên truyền, giáo dục, truyền thông, nâng cao nhận thức về an toàn thực phẩm, ý thức chấp hành pháp luật về quản lý an toàn thực phẩm, ý thức trách nhiệm của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đối với cộng đồng, ý thức của người tiêu dùng thực phẩm.

Tăng cường thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm pháp luật về an toàn thực phẩm trên địa bàn tỉnh, nghiên cứu, triển khai các chính sách, pháp luật của nhà nước về an toàn thực phẩm.

### **3.5- Phát triển công nghiệp chế biến**

Ưu tiên đầu tư phát triển công nghiệp chế biến, đặc biệt là chế biến tinh, chế biến sâu, đổi mới công nghệ, thiết bị, áp dụng hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến (GHP, GMP, HACCP, ISO,...) kết hợp với các biện pháp về tổ chức sản xuất, tiêu thụ hàng hóa nhằm nâng cao giá trị gia tăng nông, lâm, thủy sản.

Chú trọng đầu tư công nghiệp chế biến đối với một số mặt hàng nông sản chủ lực của tỉnh, như: Cao su, cà phê, chè, điều, mía đường, tinh bột sắn, thức ăn chăn nuôi, thủy sản, thịt gia súc, gia cầm, sữa và chế biến gỗ.

### **3.6- Công tác nghiên cứu, triển khai và nhân rộng các mô hình sản xuất tiên tiến, áp dụng khoa học công nghệ cao và ứng dụng sinh học vào sản xuất**

Đẩy mạnh công tác nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ tiên tiến, từng bước hiện đại, nhất là công nghệ sinh học để nâng cao năng lực sản xuất, chất lượng chế biến nông, lâm, thủy sản và ứng dụng tiến bộ kỹ thuật về giống cây trồng, vật nuôi chất lượng cao gắn với phát triển cơ sở hạ tầng sản xuất giống. Tổ chức đánh giá và nhân rộng các mô hình sản xuất tiên tiến, áp dụng các tiến bộ khoa học vào trong sản xuất. Ưu tiên đầu tư các mô hình ứng dụng công nghệ cao, sản xuất theo tiêu chuẩn GAP nhằm tạo ra các sản phẩm nông nghiệp sạch, đảm bảo chất lượng và vệ sinh an toàn thực phẩm, cụ thể:

+ Đối với trồng trọt: Ứng dụng và triển khai thí điểm quy trình cơ giới hóa đồng bộ (từ khâu làm đất, gieo trồng, chăm sóc, thu hoạch, chế biến); quy trình thâm canh lúa, ngô, mía từ giống, đầu tư thâm canh; ứng dụng công nghệ cao vào phát triển các vùng sản xuất tập trung các sản phẩm có lợi thế của tỉnh (*xây dựng, phát triển mô hình trồng rau, hoa công nghệ cao tại địa bàn thành phố Pleiku và các địa phương có lợi thế, như: An Khê, Đak Pơ...*), ổn định diện tích cao su, cà phê, gắn vùng nguyên liệu với công nghiệp chế biến; mía nguyên liệu; phát triển vùng sản xuất rau tập trung, chuyên canh; rau, hoa trong nhà lưới, nhà kính; sản xuất chế biến an toàn theo chuỗi, quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (VietGAP); triển khai các mô hình tưới tiết kiệm, tưới cây trồng cạn và phát triển các cây đặc sản, dược liệu.

+ Đối với chăn nuôi: Nghiên cứu phát triển và ứng dụng quy trình chăn nuôi lợn, gà theo tiêu chuẩn VietGAP. Khuyến khích phát triển chăn nuôi bò thịt theo quy mô trang trại tập trung, hiện đại từ khâu giống, sản xuất, chế biến thức ăn, chăm sóc, giết mổ. Phát triển các trang trại chăn nuôi bò sữa quy mô công nghiệp, từng bước mở rộng chăn nuôi bò hộ gia đình theo mô hình liên kết với các doanh nghiệp thu mua chế biến sữa. Ứng dụng công nghệ cao vào phát triển chăn nuôi, kiểm soát và chăn nuôi an toàn dịch bệnh, xử lý chất thải trong chăn nuôi bằng công nghệ khí sinh học, sử dụng men vi sinh nhằm giảm thiểu ô nhiễm môi trường.

+ Đối với lâm nghiệp: Ứng dụng khoa học công nghệ để hỗ trợ quản lý, bảo vệ và phát triển lâm nghiệp như: GIS, viễn thám... Thâm canh rừng trồng, đẩy mạnh áp dụng cơ giới hóa trong trồng rừng, đặc biệt là khai thác rừng trồng. Tập trung hướng dẫn, khuyến khích mở rộng diện tích rừng sản xuất theo tiêu chuẩn quản lý rừng bền vững (FSC).

+ Đối với thủy sản: Ứng dụng quy trình kỹ thuật, công nghệ nuôi thâm canh theo tiêu chuẩn VietGAP; nghiên cứu ứng dụng các biện pháp kỹ thuật nuôi thâm canh một số loại thủy sản đặc sản (cá tầm, cá thác lác, cá rô đầu vuông...) phù hợp với điều kiện sản xuất của tỉnh.

- Đẩy mạnh cơ giới hóa trong sản xuất nông nghiệp với từng loại cây trồng, vật nuôi, làm thay đổi tập quán canh tác phân tán, thủ công, lạc hậu sang sản xuất bằng máy, thiết bị tiên tiến, hiện đại, có năng suất, chất lượng hiệu quả cao, giảm tổn thất trong nông nghiệp. Triển khai thực hiện Kế hoạch số 341/KH-UBND, ngày 01 tháng 02 năm 2016 về việc thực hiện đề án đẩy mạnh cơ giới hóa sản xuất

*nông nghiệp tạo động lực tái cơ cấu ngành nông nghiệp tỉnh Gia Lai giai đoạn 2016 - 2020.*

- Tập trung đẩy mạnh ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật về giống cây trồng, vật nuôi chất lượng cao và phát triển cơ sở hạ tầng sản xuất giống.

+ Đối với cây nông nghiệp: Đẩy mạnh khảo nghiệm, phát triển đưa vào cơ cấu sản xuất các giống lúa, ngô, rau, quả, mía, cà phê... có năng suất cao, chất lượng tốt thích ứng với từng vùng sinh thái của tỉnh. Chủ động tiếp cận và ứng dụng đưa các giống biến đổi gen vào sản xuất khi được các cơ quan quản lý cho phép. Khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư nghiên cứu, sản xuất giống phục vụ nhu cầu trong tỉnh.

+ Đối với giống vật nuôi: Tăng cường công tác giống vật nuôi; tổ chức triển khai các quy định pháp quy về quản lý giống vật nuôi phù hợp điều kiện chăn nuôi trên địa bàn tỉnh.

Tiếp tục triển khai các chương trình cải tạo giống trâu, bò: Thực hiện thụ tinh nhân tạo cải tiến giống bò theo hướng Zê bu hóa, lai cải tiến giống trâu; hỗ trợ mua trâu, bò đực giống nhảy trực tiếp (vùng sâu, vùng xa).

Cải tiến đàn lợn theo hướng nạc hóa theo hai phương thức: Nhập đàn lợn ngoại và lai cải tiến các giống lợn bằng phương pháp thụ tinh nhân tạo và đực giống để phối trực tiếp.

+ Đối với cây lâm nghiệp: Nghiên cứu và ứng dụng công nghệ mô, hom để nhân nhanh các giống cây lâm nghiệp mới có tốc độ sinh trưởng cao, chất lượng gỗ tốt, như: Keo tai tượng hạt ngoại, bạch đàn mô... các loài cây bản địa phục vụ trồng rừng cây gỗ lớn, như: Chò chỉ, giổi xanh, sao xanh, dầu... Chú trọng công tác nghiên cứu bảo tồn và phát triển các giống cây lâm sản ngoài gỗ, cây dược liệu.

+ Đối với giống thủy sản: Hoàn thiện các quy trình sản xuất đảm bảo an toàn sinh học để sản xuất ra giống tốt, giống sạch bệnh. Tăng cường công tác nghiên cứu, bảo tồn, phát triển các loại thủy sản đặc sản địa phương. Đầu tư cải tạo, nâng cấp, xây dựng mới cơ sở hạ tầng sản xuất giống, các khu ương, nuôi giống tập trung. Tiếp tục nghiên cứu, tìm kiếm để nhập công nghệ sản xuất giống, giống mới, thủy sản đặc sản, thủy sản đặc hữu cho giá trị kinh tế cao.

- Đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ tiên tiến, hiện đại để nâng cao năng lực và chất lượng chế biến nông, lâm, thủy sản: Ưu tiên đầu tư phát triển công nghiệp chế biến tinh, chế biến sâu, đổi mới công nghệ, thiết bị tiên tiến, hiện đại. Gắn sản xuất với công nghiệp chế biến, bảo quản và tiêu thụ sản phẩm theo chuỗi giá trị để nâng cao giá trị gia tăng đối với các sản phẩm có lợi thế của tỉnh, như: Cao su, cà phê, hồ tiêu, mía, các loại rau, quả; các sản phẩm chăn nuôi, chăn nuôi bò sữa; thủy sản, lâm nghiệp.

### **3.7- Tổ chức công tác giám sát, đánh giá**

Xây dựng bộ tiêu chí giám sát, đánh giá tái cơ cấu; tăng cường công tác kiểm tra, đôn đốc, hướng dẫn các địa phương thực hiện tái cơ cấu; tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc, tạo điều kiện thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo mục tiêu đề ra.



### **III- Tổ chức thực hiện**

**1-** Cấp ủy, chính quyền các cấp tổ chức phổ biến, quán triệt, triển khai thực hiện; theo chức năng, nhiệm vụ xây dựng chương trình, kế hoạch thực hiện phù hợp với cấp, ngành mình để tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện đạt kết quả.

**2-** Ban cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo xây dựng kế hoạch cụ thể hóa việc triển khai thực hiện Chương trình này; đồng thời chỉ đạo các cấp, các ngành theo chức năng, nhiệm vụ xây dựng kế hoạch cụ thể để thực hiện, đảm bảo hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu Chương trình đã đề ra; định kỳ tham mưu cho Ban Thường vụ Tỉnh ủy sơ kết, tổng kết việc thực hiện.

**3-** Mặt trận và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh chỉ đạo tổ chức tuyên truyền, phổ biến sâu rộng Chương trình trong cán bộ, đoàn viên, hội viên và các tầng lớp nhân dân; theo chức năng, nhiệm vụ xây dựng chương trình, kế hoạch phối hợp thực hiện phù hợp; vận động nhân dân tăng cường ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất nông nghiệp, chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi và tích cực hưởng ứng thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới.

**4-** Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy chỉ đạo Báo Gia Lai, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh, các cơ quan thông tấn báo chí tổ chức tuyên truyền sâu rộng Chương trình; tham mưu tổ chức việc quán triệt Chương trình ở cấp tỉnh và hướng dẫn việc tổ chức quán triệt ở các cấp.

#### Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng,
- Văn phòng Trung ương, T26,
- Ban Chỉ đạo Tây Nguyên,
- Các huyện ủy, thị ủy, thành ủy,
- Các đảng đoàn, ban cán sự đảng, đảng ủy trực thuộc,
- Các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy,
- Các sở, ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh,
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy.

**T/M BAN THƯỜNG VỤ  
PHÓ BÍ THƯ**

(đã ký)

**Hồ Văn Niên**